TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 57/2024/QĐST-KDTM	*Quận 5, ngày 23 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, các đương sự có mặt tại phiên hòa giải không thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó; các đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải có văn bản đồng ý toàn bộ nội dung hòa giải được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH S; Địa chỉ trụ sở: Lô B, Đường số D, Khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lâm Tấn L, sinh năm 1970 – Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: B L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1983 và/hoặc ông Phan Minh D, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 18/12/2023).

Bị đơn: Công ty TNHH S1; Địa chỉ trụ sở: 5 T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1987 – Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: 5 T, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH S và Công ty TNHH S1 có ký kết và thực hiện các Hợp đồng mua bán hàng hóa sau:

+ Hợp đồng mua bán số HĐMB/T05-33/2023 ngày 17 tháng 5 năm 2023;

+ Hợp đồng mua bán số HĐMB/T05-42/2023 ngày 22 tháng 5 năm 2023;

+ Hợp đồng mua bán số HĐMB/T05-49/2023 ngày 24 tháng 5 năm 2023;

+ Hợp đồng mua bán số HĐMB/T06-27/2023 ngày 14 tháng 6 năm 2023;

2.2. Công ty TNHH S1 xác nhận còn nợ Công ty TNHH S số tiền tính đến hết ngày 13 tháng 9 năm 2024 là 4.380.911.164 (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm sáu mươi bốn) đồng. Trong đó, nợ gốc là 3.869.037.503 (Ba tỷ, tám trăm sáu mươi chín triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ ba) đồng, nợ lãi tính đến hết ngày 13 tháng 9 năm 2024 là 511.873.661 (Năm trăm mười một triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi mốt) đồng.

2.3. Công ty TNHH S1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền nợ là 4.380.911.164 (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm sáu mươi bốn) đồng, theo phương thức sau:

Công ty TNHH S1 sẽ thanh toán số tiền 4.380.911.164 (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm sáu mươi bốn) đồng thành 15 kỳ, cụ thể:

Kỳ 1: Vào ngày 30/11/2024, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kỳ 2: Vào ngày 30/01/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kỳ 3: Vào ngày 30/03/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kỳ 4: Vào ngày 30/4/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 5: Vào ngày 30/5/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 6: Vào ngày 30/6/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 7: Vào ngày 30/7/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 8: Vào ngày 30/8/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 9: Vào ngày 30/9/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 10: Vào ngày 30/10/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 11: Vào ngày 30/11/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 12: Vào ngày 30/12/2025, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 13: Vào ngày 30/01/2026, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 14: Vào ngày 28/02/2026, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu) đồng.

Kỳ 15: Vào ngày 30/03/2026, Công ty TNHH S1 trả cho Công ty TNHH S số tiền 850.911.164 đồng (Tám trăm năm mươi triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm sáu mươi bốn) đồng.

Trong trường hợp Công ty TNHH S1 vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào thì Công ty TNHH S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc Công ty TNHH S1 phải trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ lại chưa thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm hòa giải thành đối với số tiền 4.380.911.164 (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi triệu, chín trăm mười một nghìn, một trăm sáu mươi bốn) đồng là 56.190.456 (Năm mươi sáu triệu, một trăm chín mươi nghìn, bốn trăm năm mươi sáu) đồng.

- Công ty TNHH S1 tự nguyện chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.190.456 (Năm mươi sáu triệu, một trăm chín mươi nghìn, bốn trăm năm mươi sáu) đồng.

- Hoàn lại Công ty TNHH S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do Công ty TNHH S đã nộp là 56.055.984 (Năm mươi sáu triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi bốn) đồng, theo biên lai thu số BLTU/23P số 0036092 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi,

bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hòa